

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Chí

Bà Lê Thúy Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 484/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Ngọc C, sinh năm 1982, cư trú tại: 925/23 G, Phường 11, Quận 6, Thành phố M. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Quốc H, sinh năm 1981, cư trú tại: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh A. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trịnh Ngọc C trình bày: Chị C và anh Đặng Quốc H kết hôn vào năm 2005, theo giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyền số 01 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh A. Sau khi kết hôn, chị và anh H về chung sống cùng gia đình anh H tại ấp T 2, xã B, huyện G, tỉnh A. Thời gian đầu, chị và anh H chung sống cũng hạnh phúc. Tuy nhiên, khi chung sống được khoảng vài tháng thì anh H đi Bạc Liêu làm ăn, lúc đó chị đang mang thai được hơn 02 tháng. Khi anh H đi Bạc Liêu không được sự thống nhất của chị nên chị về Quận 6, Thành phố M sống với cha chị. Đến khi con được hơn 01 tuổi thì chị cùng con về Bạc Liêu để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi sống ở Bạc Liêu được 5 năm thì vợ chồng về Quận 6, Thành phố M sinh sống. Tuy nhiên, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn về nơi ở, anh H muốn vợ chồng về xã B, huyện G sinh sống nhưng con chung hiện đang đi học ở Quận 6, Thành phố M và công việc của chị đang ổn định nên chị không đồng ý. Do vợ chồng không thống nhất được nơi ở nên tháng 8/2013 anh H tại xã B, huyện G sinh sống, còn chị và con vẫn sống tại Thành phố M. Trong thời gian

từ năm 2013-2015 thì vợ chồng không hề liên lạc qua lại. Đến năm 2016 thì anh H có tới lui thăm con nhưng chị C phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với người khác, người đó còn thường xuyên nhắn tin thách thức chị. Nên chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị C yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Ngọc Anh T, sinh ngày 15/12/2006. Hiện con chung đang sống cùng với chị C, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Quốc H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trịnh Ngọc C về thời gian chung sống, kết hôn và con chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì anh H không đồng ý. Việc anh H đi Bạc Liêu là để làm ăn, kiếm thu nhập thêm cho gia đình. Sau đó, chị C cũng về sống cùng với anh tại Bạc Liêu. Ở Bạc Liêu được vài năm thì vợ chồng cũng về Thành phố M sinh sống. Theo anh H mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì lớn, mâu thuẫn chủ yếu là không thống nhất về chỗ ở. Anh H thì muốn sống cùng với gia đình ở Trường Bình nhưng chị C không đồng ý, nên tháng 8/2013 anh H đã về B sinh sống cho đến nay, còn chị C và con vẫn ở Thành phố M. Mặc dù, anh về B nhưng vẫn còn qua lại với chị C và con. Còn về việc chị C cho rằng anh không chung thủy với chị, không quan tâm gia đình thì anh không đồng ý. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Con chung: có 01 con chung tên Đặng Ngọc Anh T, sinh ngày 15/12/2006. Hiện con chung đang sống cùng với chị C. Trường hợp chị C kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị C nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Đặng Quốc H đã được tổng đạt hợp lệ giấy báo tham gia phiên tòa 02 lần nhưng anh H vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Ngọc C và anh Đặng Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh A vào năm 2005 đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn về chỗ ở chung, tuy anh chị đã nhiều lần thay đổi chỗ ở để có sự thống nhất chung nhưng đến năm 2013 thì mỗi người vẫn sống một nơi. Chị C yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm giúp anh chị hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị C vẫn cương quyết ly hôn. Mặc dù, anh H có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh cũng không tìm được giải pháp để giải quyết mâu thuẫn. Xét thấy, chị C và anh H đã thời gian dài không còn sống chung, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị C vẫn cương quyết ly hôn. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Ngọc C với anh Đặng Quốc H.

[3] Con chung: Chị C có yêu cầu nuôi con chung và anh H cũng đồng ý. Do đó căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*, Hội đồng xét xử giao cho chị Trịnh Ngọc C nuôi dưỡng con Đặng Ngọc Anh T, sinh ngày 15/12/2006. Chị C tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Tài sản chung: Chị C và anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Nợ chung: Chị C và anh H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Chị Trịnh Ngọc C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Ngọc C với anh Đặng Quốc H.

Quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Ngọc C được ly hôn với anh Đặng Quốc H.

[2] Con chung: Giao cho chị Trịnh Ngọc C nuôi dưỡng con chung Đặng Ngọc Anh T, sinh ngày 15/12/2006, anh Đặng Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Án phí: Chị Trịnh Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 5659 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

[4] Án này là sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo